



ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC



QUY ĐỊNH VỀ TÀI CHÍNH THU, CHI HỌC PHÍ VÀ CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH CHO SINH VIÊN



www.tnus.edu.com

BÁO CÁO VIÊN:
TS. NGUYỄN THU HẰNG
TRƯỞNG PHÒNG KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH
SĐT: 0912 108 538
Email: nguyenthuhang@tnus.edu.vn

MỤC TIÊU BÀI GIẢNG

- **Học phí:** Giúp các em sinh viên hiểu về tài chính sinh viên trong trường Đại học. Học phí, Cách xây dựng mức thu học phí. Cách thức nộp tiền học phí
- **Học bổng:** Giúp các em sinh viên hiểu về cách tính học bổng, cách thức chi trả học bổng của nhà trường.
- **Về chế độ chính sách sinh viên:** Giúp các sinh viên hiểu được các chế độ chính sách nhà nước đang thực hiện đối với sinh viên; mức chi trả và cách thức chi trả từng loại chế độ





NỘI DUNG



1. HỌC PHÍ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP



1.1. CÁC KHOẢN THU ĐẦU NĂM KHI NHẬP HỌC

STT	<u>Khoản mục thu</u>	<u>Số tiền thu</u>	<u>Ghi chú</u>
I	Học phí Học kỳ I năm học 2025-2026 (tạm thu)	7.000.000	Thu theo học kỳ
II	Các khoản thu khác	1.630.750	
1	Thẻ (TTHL+Thẻ SV+Thẻ ATM)	215.000	Thu một lần toàn khoá học
2	BHYT (15 tháng, từ T10/2025-T12/2026)	789.750	Thu 15 tháng khi nhập trường; Các năm sau nộp theo năm tài chính
3	Quỹ đoàn thanh niên (4 năm)	96.000	Thu một lần toàn khoá học
4	Bảo hiểm thân thể (4 năm)	530.000	Thu một lần toàn khoá học
	<u>Tổng cộng trường thu</u>	8.630.750	
	<u>Hồ sơ và lệ phí khám sức khỏe (đơn vị khám thu)</u>	160.000	<u>Khám sức khỏe bắt buộc đối với sinh viên đầu mỗi năm học</u>



1. HỌC PHÍ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP

1.2. HỌC PHÍ

Căn cứ pháp lý:

- Nghị định 238/2025/NĐ-Cp ngày 03/09/2025 của chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ chi phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.
- Quyết định quy định mức thu học phí hằng kỳ của Trường ĐH Khoa học

*** Công thức tính mức học phí tín chỉ:**

$$\text{Học phí tín chỉ, mô-đun} = \frac{\text{Tổng học phí toàn khóa}}{\text{Tổng số tín chỉ, mô-đun toàn khóa}}$$



1. HỌC PHÍ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP

1.2. HỌC PHÍ

* Mức thu Học phí năm học 2025-2026:

+ Khối ngành III (KHQL, Luật) : 436.000đ/tín chỉ

+ Khối ngành IV, V, VI.2 (Toán, Lý, Sinh, Hóa, KHMT): 471.000đ/tín chỉ

+ Khối ngành VII (Báo chí, Văn, NNA,): 465.000đ/tín chỉ

Số học phí phải nộp = Số tín chỉ thực học x Mức thu học phí tín chỉ



1. HỌC PHÍ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP

1.2. HỌC PHÍ

* Tra cứu tình hình học phí sinh viên

- Sinh viên truy cập cổng thông tin sinh viên theo đường dẫn Sinhvien.tnus.edu.vn
- Tên đăng nhập: Mã sinh viên
- Mật khẩu:
- Chọn mục TÀI CHÍNH => Thông tin tài chính
- (Hiển thị số tiền sinh viên cần phải nộp, các khoản đã nộp, còn phải nộp)



MÃ QR CỔNG
THÔNG TIN SV

www.tnus.edu.com



1. HỌC PHÍ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP

1.2. HỌC PHÍ

*Cách thức nộp học phí

- Học kỳ I năm học 2025-2026, Sinh viên Khoá 23 chuyển tiền nộp học phí vào tài khoản của Trường Đại học Khoa học theo thông tin sau:
- Số tài khoản: **8500201003872**
- Ngân hàng Agribank Chi nhánh Thái Nguyên
- Tên tài khoản: Trường Đại học Khoa học
- Nội dung chuyển tiền: Họ và tên □ Lớp□Khóa□Mã sinh viên
- (Ví dụ: Nguyen Van A□TQH□K23□DTZ250100001)



MÃ QR CỔNG
THÔNG TIN SV



1. HỌC PHÍ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP

1.2. HỌC PHÍ

***Cách thức nộp tiền học phí áp dụng từ kỳ II năm học 2025-2026**

Cách 1: Nộp tiền bằng ngân hàng Agribank

- B1: Vào ngân hàng **Agribank** chọn thanh toán hóa đơn
- B2: Chọn nộp tiền học phí
- B3: Chọn trường Đại học khoa học Thái Nguyên
- B4: Nhập mã khách hàng (là số Căn cước công dân)
- B5: Thanh toán



MÃ QR CÔNG
THÔNG TIN SV

www.tnus.edu.com



1. HỌC PHÍ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP

1.2. HỌC PHÍ

***Cách thức nộp tiền học phí áp dụng từ kỳ II năm học 2025-2026**

Cách 2: Nộp tiền bằng các ngân hàng khác

- B1: Sinh viên đăng nhập vào cổng sinh viên (sinhvien.tnus.edu.vn)
- B2: Vào phần Tài chính chọn Đăng ký nộp học phí online
- B3: Chọn kỳ học, năm học, đợt học.
- B4: Chọn các môn học phải nộp
- B5: Chọn nộp tiền bằng mã QR CODE
- B6: Vào ngân hàng nộp tiền



MÃ QR CỔNG
THÔNG TIN SV

www.tnus.edu.com



1. HỌC PHÍ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP

1.2. HỌC PHÍ

*Xử lý học phí nộp thừa

Học phí nộp thừa của sinh viên sẽ tự động chuyển sang học kỳ tiếp theo, Trường hợp sinh viên có nhu cầu lấy lại số đã nộp thừa. Thì sinh viên làm đơn xin rút số học phí nộp thừa nộp phòng Kế hoạch – Tài chính để chuyển trả lại sinh viên

Lưu ý: Chỉ thực hiện chuyển trả lại tiền học phí nộp thừa đối với một trong các trường hợp sau:

- Sinh viên đã hoàn thành chương trình đào tạo
- Sinh viên Thuộc diện miễn học phí
- Do lỗi ngân hàng, giao dịch nộp học phí bị lặp lại nhiều lần



2. MIỄN GIẢM HỌC PHÍ ĐỐI VỚI SINH VIÊN



Các sinh viên thuộc chế độ miễn giảm học phí sẽ trực tiếp bù trừ cho sinh viên trên hệ thống, sinh viên không phải nộp đối với phần học phí được miễn giảm



Chi tiết các đối tượng được miễn, giảm học phí sẽ theo thông báo của Phòng Công tác học sinh sinh viên.



Các sinh viên nộp hồ sơ xét miễn giảm theo hướng dẫn của phòng Công tác học sinh sinh viên. Và chỉ được miễn giảm khi có Quyết định miễn giảm chính thức của nhà trường.



Miễn giảm học phí chỉ áp dụng với các học phần học lần 1. Các học phần học lại, học cải thiện không được miễn giảm học phí



3. HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP SINH VIÊN



- **Quỹ học bổng:** 8% tổng thu học phí
- **Căn cứ xét học bổng:** Điểm học tập và rèn luyện của sinh viên



- **Phương thức xét:** Xét từ điểm cao xuống thấp đến khi hết số kinh phí học bổng theo số thu học phí cả từng khoa



- **Mức chi trả:** Học bổng loại khá tối thiểu bằng mức thu học phí theo tháng, mức giỏi, xuất sắc cao hơn, chi 5 tháng/1 học kỳ.



3. HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP SINH VIÊN

MỨC HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP NĂM HỌC 2025-2026 NHƯ SAU:



+ Khối ngành III (KHQL, Luật):

Xuất sắc: 1.908.000

đồng/tháng;

Giỏi: 1.749.000 đồng/tháng;

Khá: 1.590.000 đồng/tháng.



+ Khối ngành IV, V, VI.2 (Toán, Lý, Sinh, Hóa, KHMT):

Xuất sắc: 2.052.000 đồng/tháng;

Giỏi: 1.881.000 đồng/tháng;

Khá: 1.710.000 đồng/tháng.

+ Khối ngành VII (Báo chí, Văn, NNA,...):

Xuất sắc: 2.028.000 đồng/tháng;

Giỏi: 1.859.000 đồng/tháng;

Khá: 1.690.000 đồng/tháng.



www.tnus.edu.com



\$ 4. HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP CHO SINH VIÊN

4.1. QUY TRÌNH THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH CHO SINH VIÊN

B1: NỘP HỒ SƠ XÉT
HƯỞNG CHẾ ĐỘ



B2: QUYẾT ĐỊNH
DANH SÁCH SINH
VIÊN HƯỞNG



B3: CHI TRẢ CHẾ
ĐỘ CHO SINH
VIÊN



SV nộp hồ sơ xét hưởng chế độ theo hướng dẫn của Phòng Công tác Học sinh sinh viên

- Căn cứ hồ sơ sinh viên nộp, Phòng CTHSSV sẽ tổng hợp DS
- Nhà trường họp xét chế độ cho SV
- Ra quyết định SV được hưởng chế độ

- Căn cứ vào Quyết định DS SV hưởng chế độ
- Căn cứ vào sổ dự toán NSNN cấp tại Kho bạc
- Phòng KHTC làm Quyết định chi và chi trả vào tài khoản SV theo quy định

www.tnus.edu.com

4. HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP CHO SINH VIÊN

4.2. HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP THEO QĐ SỐ 66/2013/QĐ-TTG NGÀY 11/11/2013

- **Đối tượng áp dụng:** Sinh viên DTTS thuộc hộ nghèo hoặc cận nghèo.
- **Mức hỗ trợ:** 60% mức lương cơ sở ($60\% * 2.340.000đ = 1.404.000$ đồng/tháng)
- **Thời gian hưởng:** Không quá 10 tháng/năm học/SV; số năm được hưởng hỗ trợ chi phí học tập theo thời gian đào tạo chính thức.
- **Đối với các SV K23, thời gian hưởng hỗ trợ chi phí học tập s^ẽ là:**
 - **Năm 2025:** Số tháng được hưởng: 4 tháng (tính từ tháng 9/2025 đến tháng 12/2025).
 - **Năm 2026:** Số tháng được hưởng: 10 tháng – chia thành 2 đợt theo học kỳ II năm học 2025-2026 và học kỳ I năm học 2026 - 2027

www.tnus.edu.com



4. HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP CHO SINH VIÊN

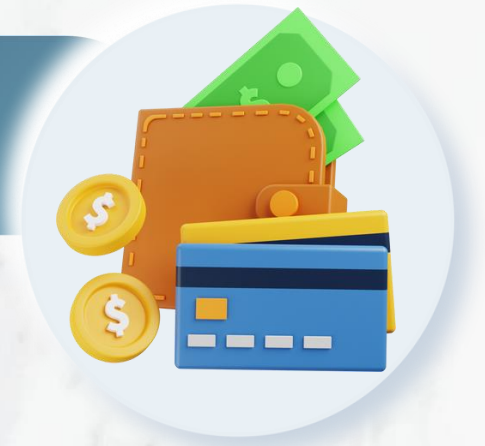
4.3. HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP THEO NGHỊ ĐỊNH 57/2017/NĐ-CP NGÀY 09/05/2017

- Đối tượng áp dụng: Sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người.
- Mức hỗ trợ: 100% mức lương cơ sở (2.340.000 đồng/tháng)
- Thời gian hưởng: 12 tháng/năm cho đối tượng có thời gian học đủ 9 tháng/năm trở lên; trường hợp đối tượng học không đủ 9 tháng/năm thì được hưởng theo thời gian thực tế theo học.
- Đối với các SV K23, thời gian hưởng hỗ trợ chi phí học tập theo ND 57 s□ là:
- Năm 2025: Số tháng được hưởng: 4 tháng (tính từ Tháng 9/2025 đến tháng 12/2025).
- Năm 2026: Số tháng được hưởng: 12 tháng - Chia thành 2 đợt theo học kỳ II năm học 2025-2026 và học kỳ I năm học 2026-2027



5. TRỢ CẤP XÃ HỘI

Đối tượng áp dụng: Sinh viên là:



1. Người dân tộc ít người ở vùng cao.
2. Người mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa.
3. Người tàn tật theo quy định chung của Nhà nước và gặp khó khăn về kinh tế.
4. Có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế vượt khó học tập.

MỨC HỖ TRỢ:

140.000Đ/THÁNG ĐỐI VỚI ĐỐI TƯỢNG Ở ĐIỂM (1)

100.000 ĐỒNG/THÁNG ĐỐI VỚI ĐỐI TƯỢNG Ở ĐIỂM (2); (3); (4)



5. TRỢ CẤP XÃ HỘI

- Thời gian hưởng: 12 tháng/năm
- Đối với các sinh viên K23, thời gian hưởng trợ cấp xã hội s□ là:
- Năm 2025: Số tháng được hưởng: 4 tháng (tính từ T9/2025 đến tháng 12/2025).
- Năm 2026: Số tháng được hưởng: 12 tháng – chia thành 2 đợt theo học kỳ II năm học 2025-2026 và học kỳ I năm học 2026-2027



MỨC HỖ TRỢ:

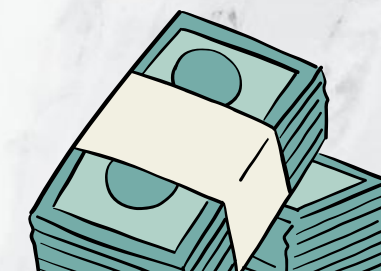
140.000Đ/THÁNG ĐỐI VỚI ĐỐI TƯỢNG Ở ĐIỂM (1)
100.000 ĐỒNG/THÁNG ĐỐI VỚI ĐỐI TƯỢNG Ở ĐIỂM (2); (3); (4)



LIÊN HỆ GIẢI ĐÁP



Họ và tên	Chức vụ	Số điện thoại	Lĩnh vực phụ trách
TS. Nguyễn Thu Hằng	Kế toán trưởng, Trưởng phòng KHTC	0912 108 538	Chỉ đạo; phụ trách chung tài chính của nhà trường
Đặng Thu Dung	Kế toán viên	0981 064 226	Học phí sinh viên Cách thức nộp học phí; Hoá đơn học phí Miễn giảm học phí sinh viên
Trương Thị Thuỳ Dung	Kế toán viên	0967 111 761	Chế độ chính sách cho sinh viên Học bổng sinh viên





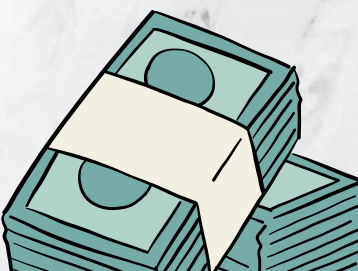
LƯU Ý



Khi có bất kỳ thắc mắc gì liên quan đến mảng tài chính, học phí, chế độ chính sách. Sinh viên cần:



- Liên hệ trực tiếp phòng Kế hoạch – Tài chính để được giải đáp.
- Tuyệt đối không đăng lên mạng xã hội, các hội nhóm trên mạng xã hội





TRÂN TRỌNG CẢM ƠN!

